HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2010/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 12 năm 2010*

NGHỊ QUYẾT
Về mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KỲ HỌP THỨ 25 - KHÓA X

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005; Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 3604/TTr-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định mức thu, sử dụng học phí đối với các trường mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành qui định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và học nghề phổ thông trên địa bàn tỉnh từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015 với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp dạy nghề thuộc tỉnh quản lý từ năm học 2010 - 2011 đến năm học 2014 - 2015.

2. Đối tượng thu học phí: Là học sinh đang học tập tại các trường mầm non và phổ thông công lập, học bổ túc văn hóa và học nghề phổ thông tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng được miễn, giảm và hỗ trợ chi phí học tập: áp dụng theo qui định tại các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Chương II, Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ.

4. Quy định về khu vực:

a) Khu vực thành thị bao gồm các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi.

b) Khu vực nông thôn bao gồm các xã thuộc thành phố Quảng Ngãi, thị trấn và các xã thuộc các huyện đồng bằng.

c) Khu vực miền núi - hải đảo bao gồm các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng, các xã, thị trấn thuộc các huyện miền núi và huyện Lý Sơn.

5. Mức thu học phí áp dụng cho năm học 2010 - 2011:

a) Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập:

Đơn vị tính: đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Thành thị	Nông thôn	Miền núi Hải đảo
1.Mầm non	50.000	25.000	10.000
2.Trung học cơ sở	40.000	20.000	10.000
3.Trung học phổ thông	70.000	35.000	15.000

b) Đối với giáo dục mầm non thị trấn các huyện đồng bằng được áp dụng bằng 80% so với mức thu học phí của giáo dục mầm non ở thành thị.

c) Đối với những nơi các bậc cha mẹ có nhu cầu gửi con em học bậc tiểu học 02 buổi/ngày thì thỏa thuận với phụ huynh nhưng không được vượt quá khung như sau:

Đơn vị tính: đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Thành phố Quảng Ngãi, thị trấn các huyện đồng bằng	Nông thôn	Miền núi
Tiểu học	50.000	25.000	10.000

d) Đối với các trường mầm non, mẫu giáo và THPT bán công đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi sang công lập, tiếp tục thực hiện mức thu học phí theo Quyết định số 2089/QĐ-CT ngày 26/8/2004 và Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Khi chuyển sang loại hình công lập thì thực hiện thu học phí theo qui định tại Nghị quyết này.

đ) Đối với giáo dục thường xuyên:

- Trung học cơ sở (ngoài độ tuổi phổ cập THCS): 60.000 đ/tháng/học sinh;

- Trung học phổ thông: 80.000 đ/tháng/học sinh.

e) Đối với học nghề phổ thông:

- Học phí nghề phổ thông cấp THCS: 20.000 đồng/tháng/học sinh; thời gian học 05 tháng với tổng số tiết là 70 tiết.

- Lệ phí thi tốt nghiệp nghề phổ thông THCS và THPT: 30.000 đồng/học sinh.

6. Mức thu học phí từ năm học 2011 - 2012 đến năm học 2014 - 2015: Từ năm học 2011 - 2012 đến năm học 2014 - 2015, học phí sẽ được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo. Trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và mức thu học phí đối với các cấp học đã được qui định tại Nghị quyết này, HĐND tỉnh sẽ điều chỉnh cụ thể mức thu học phí hằng năm cho phù hợp.

7. Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập; **t**ổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí:

- Cơ chế miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập thực hiện theo qui định tại Điều 7, Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ. Sở Tài chính phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo hướng dẫn áp dụng việc thực hiện cơ chế này từ ngày 01/01/2011.

- Việc tổ chức thu, quản lý, sử dụng học phí thực hiện theo qui định tại các Điều 13, 14 và 15 Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ và các qui định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 10/2004/NQ-HĐND K10 ngày 24/7/2004 của HĐND tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toản